

NGUỒN LỢI THÚ HOANG ĐẠI MIỀN BẮC VIỆT-NAM

ĐÀO VĂN TIẾN - LÊ HIỀN HÀO

Trên cả nước ta nói chung và ở miền Bắc nói riêng, các loài thú hoang đại (thú rừng) là một bộ phận của thiên nhiên phong phú và đa dạng, là một nguồn lợi thiên nhiên quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân và đời sống nhân dân ta.

Từ lâu, nhân dân ta đã dựa vào nhóm động vật này như là nguồn cung cấp một phần đáng kể những nhu cầu thiết yếu trong đời sống: thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc bồi dưỡng thể lực, nguyên vật liệu cho sản xuất kỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu; thỏa mãn các nhu cầu về sinh hoạt tinh thần: thẩm mỹ, trang sức, giải trí, thể thao v.v...

Vấn đề đặt ra ở đây không chỉ bàn về tầm quan trọng của các loài thú hoang đại, mà chủ yếu là nhìn lại, xem chúng ta đã làm được gì và sẽ còn phải làm thêm những gì nữa đối với nguồn lợi này, để nhanh chóng tiến đến chỗ có thể sử dụng được nguồn lợi đó một cách tốt nhất và kinh tế nhất, nhằm phục vụ kịp thời những yêu cầu ngày càng lớn của công cuộc phát triển kinh tế và dân sinh ở nước ta.

..

Có thể nói trước kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954), vốn hiểu biết khoa học đối với khu hệ thú hoang đại ở ta còn rất sơ sài. Nếu lịch sử nghiên cứu thú hoang đại ở nước ta được coi như bắt đầu cách đây đã hơn 100 năm — tức từ đầu thời kỳ thuộc Pháp — thì thực chất cũng chỉ mới nghiên cứu bước đầu với bộ phận thú trên phần lãnh thổ miền Nam; còn ở miền Bắc nước ta phải cho mãi đến gần cuối thế kỷ XIX mới có những tài liệu khoa học viết

về thú hoang đại. Nhưng, cũng không giống với hoạt động nghiên cứu thú ở miền Nam lúc bấy giờ (mặc dù chưa phải đã là nhiều lắm), công việc tìm hiểu thú hoang đại ở miền Bắc nước ta được tiến hành rất rời rạc. Trong suốt hơn nửa thế kỷ, nghĩa là cho đến lúc chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt-nam, chúng ta mới tìm thấy khoảng hai chục tài liệu, ít nhiều đề cập đến thú ở miền Bắc nước ta do một số tác giả nước ngoài như Brousset (1887), Heude (1894), Billet (1896), De Pousargues (1896, 1898), Pavie (1904), Ménégau (1905, 1906), Boutan (1906), Trouesart (1911), Dollman (1912), Allen (1913), Thomas (1925), Bourret (1927, 1942, 1944), Osgood (1932) viết. Nói là có ít nhiều đề cập đến bởi vì những tác giả này không tổ chức một đợt khảo sát chính thức và riêng biệt nào đối với khu hệ thú hoang đại ở miền Bắc — dù chỉ ở một địa phương nhỏ nào đó — mà chỉ là kết hợp phần nào trong yêu cầu tìm hiểu chung đối với khu hệ thú ở toàn Đông-dương; hoặc kết hợp trong khi tiến hành những yêu cầu nghiên cứu khác chủ yếu hơn. Đặc biệt, nội dung của phần lớn các tài liệu được nêu ở đây còn rất sơ lược và chỉ tóm gọn vào một vấn đề — nghiên cứu đơn thuần về phân loại học. Còn về đặc tính phân bố, đặc điểm sinh thái và sinh học, tình hình số lượng và ý nghĩa kinh tế của thú hoang đại ở đây (mà đó chính là những vấn đề cần được hiểu biết đầy đủ và tường tận để làm cơ sở khoa học cho việc sử dụng và quản lý nguồn lợi thú hoang đại ở ta) thì chẳng những còn rất thiếu, mà thậm chí còn chưa được đề cập tới. Thực chất, những nghiên cứu về thú hoang đại thời gian này mới chỉ là một quá trình thu góp vật mẫu của một số

bảo tàng thiên nhiên phương Tây thời bấy giờ với mục đích duy nhất là tiến hành nghiên cứu phân loại chung. Và như vậy cũng có nghĩa là, khi bắt tay vào thực hiện công tác điều tra về nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc, tất cả mọi việc đối với chúng ta coi như phải làm từ đầu.

..

Trong gần 20 năm qua, địa bàn điều tra nghiên cứu thú hoang dại đã được mở rộng trên khắp các phần lãnh thổ của miền Bắc: Bắc Trung-bộ, đồng bằng và trung du Bắc-bộ, các vùng núi Đông-bắc và Tây-bắc, các dải đảo ven biển, bao gồm hầu hết những loại hình cảnh quan khác nhau: rừng núi đất, rừng núi đá, rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, đồi cỏ - cây bụi, đồng ruộng, nông trường, bản làng, thị trấn, thành phố. Hiện nay đã có tới hơn 90 báo cáo khoa học và công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực điều tra nguồn lợi thú hoang dại được trình bày ở các hội nghị hoặc trên các tập san khoa học ở trong nước và nước ngoài. Đồng thời, nội dung nghiên cứu cũng phong phú hơn, không chỉ bao gồm những yêu cầu về nghiên cứu khu hệ sinh thái thú, mà cả những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế săn bắn và sử dụng nguồn lợi thú hoang dại.

Cho đến nay, chúng ta đã thu được những hiểu biết gì mới về nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc nước ta?

Trước hết, về mặt khu hệ, nếu trước năm 1954 những tác giả nước ngoài mới chỉ hiểu biết một cách đại khái và thiếu hệ thống qua một số loài thú nào đó gặp tản mạn ở một số ít địa phương thuộc miền Bắc nước ta, thì hiện nay, với hơn 2800 mẫu vật sưu tầm được trên thực địa, chúng ta không những đã xác định được thành phần loài thú cho từng địa phương nghiên cứu và cho hầu hết các tỉnh, mà còn xây dựng được danh mục chung, gần như hoàn chỉnh, của khu hệ thú trên toàn miền Bắc. Cụ thể, hiện nay đã biết được ở miền Bắc nước ta (từ vĩ tuyến 17 trở ra) có 169 loài thú hoang dại trên cạn (nếu kể cả phân loài thì lên tới 202) với 32 họ và 11 bộ. Rõ ràng, đó là một khu hệ thú giàu loài (nếu so với diện tích lãnh thổ hoặc so với các nước ở ôn đới). Chiếm ưu thế về số loài trong khu hệ là: bộ Dơi (Chiroptera) - 55 loài, Gặm nhấm (Rodentia) - 42 loài, Ăn thịt (Carnivora) - 31 loài, tiếp theo là những bộ Ăn côn trùng (Insectivora) - 13 loài, Linh trưởng

(Primates) - 11 loài, Guốc chân (Artiodactyla) - 10 loài, và cuối cùng là những bộ Tê tê (Pholidota) - 2 loài, Thỏ (Lagomorpha) - 2 loài, Cánh da (Dermoptera) - 1 loài, Voi (Proboscidas) - 1 loài, và Guốc lẻ (Perissodactyla) - 1 loài. Trong số 29 loài và phân loài mới được biết thêm gần đây trên phần lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 trở ra, có tới 17 loài và phân loài lần đầu tiên mới được phát hiện ở Việt-nam, 1 loài và 9 phân loài là mới đối với khoa học. Đó là chưa kể một số thú khác cũng đã được xác định lại về mặt phân loại hoặc được khẳng định về sự có mặt của chúng, mà trong các tài liệu nghiên cứu cũ còn có sự nhầm lẫn hoặc còn tỏ ý nghi ngờ và không thừa nhận. Qua những thành phần được thống kê đã cho thấy, trong khu hệ thú miền Bắc nước ta (nếu không kể đến phân loài) thì số thú được coi là đặc hữu rất hiếm, cụ thể hiện nay mới chỉ biết một loài (Vọc mũi hếch - *Rhinopithecus avunculeus*) còn hầu hết cũng là những dạng gặp trong các khu hệ thú lân cận (Hoa-nam, Vân-nam - Himalaya, Ấn-độ - Mã-lai). Về phương diện nguồn lợi, cũng đã xác nhận rằng, hầu như tất cả những đại diện có mặt ở đây đều là *thú kinh tế*, trong đó có tới gần 70 loài được coi là đối tượng săn bắn lâu nay ở các địa phương - chủ yếu để lấy thịt và được liệu - tập trung ở các bộ Linh trưởng, Ăn thịt, Có guốc và một phần bộ Gặm nhấm. Số thú còn lại mặc dù không thuộc diện săn bắn, nhưng có ý nghĩa nổi bật đối với nền sản xuất nông, lâm nghiệp, hoặc có ích (các loài dơi và thú ăn côn trùng), hoặc có hại (các loài chuột).

Ngoài ra, hiện nay ta cũng đã xây dựng được bản đồ phân bố khá chính xác của phần lớn các loài thú hoang dại ở miền Bắc, mà hầu hết là những loài thuộc diện thú quý hoặc hiếm cần bảo vệ, thú khai thác và thú thường gặp, trong đó có một số loài được xác định phạm vi phân bố đến từng phân loài. Nói chung, đại bộ phận thú ở miền Bắc nước ta đều phân bố rộng chỉ một số ít loài gặp giới hạn trên từng phần địa lý. Nhưng mặt khác, tình hình phân bố của thú trên lãnh thổ lại rất không đều và tùy thuộc vào những yếu tố cảnh quan như thỏ nhưỡng, địa hình, và rõ nhất là thực vật: ở đâu thực vật càng đa dạng và càng phát triển mạnh thì ở đó số loài thú phân bố càng nhiều, và ngược lại. Dựa trên cơ sở hiểu biết về thành phần loài đặc trưng và loài ưu thế, ngoài việc phân chia sự phân bố của thú theo

những điều kiện sống khác nhau hoặc theo những sinh vật cảnh (các loại rừng khác nhau, đồi cỏ - cây bụi, đồng ruộng, bản làng...), bước đầu chúng ta cũng đã tiến hành chia miền Bắc Việt-nam thành 3 khu vực phân bố địa lí đối với thú hoang dại: Đông-bắc, Tây-bắc và bắc Trường-sơn.

Về đặc điểm sinh thái học và sinh học của thú hoang dại ở miền Bắc Việt-nam, trong những năm qua chúng ta cũng thu được những hiểu biết quan trọng, dựa trên kết quả điều tra nghiên cứu trên thực địa và một phần trong điều kiện nuôi. Bộ phận thú được tìm hiểu nhiều hơn cả là những loài có ý nghĩa kinh tế và dân sinh nổi bật mà đa số cũng là thú săn bắn, tập trung trong các bộ Linh trưởng, Gặm nhấm, Ăn thịt và Guốc chẵn. Hiện nay chúng ta đã có được những hiểu biết khá đầy đủ về chỗ ở, khu vực sống, phương thức sống, tập tính, chu kỳ hoạt động, thành phần thức ăn của phần lớn loài thú, đồng thời trên cơ sở đó cũng đã nêu lên được một số nhận định về những quan hệ của thú trong sinh quần và ý nghĩa của chúng đối với thực tiễn. Mặt khác, đã khẳng định được rằng ở miền Bắc nước ta, thú hoạt động thường xuyên quanh năm và tương đối ổn định, không có những hiện tượng thích nghi sinh học để khắc phục những khó khăn của môi trường sống như di cư, ngủ đông hoặc dự trữ thức ăn. Tuy vậy, trong hoạt động sống của thú ở đây cũng có một số biểu hiện thay đổi theo mùa. Đáng chú ý, ở nhiều loài thú thuộc đối tượng săn bắn, còn xác định được cả hiện tượng thay lông theo mùa, một hiện tượng sinh học thường gặp đối với thú ở các nước ôn đới. Riêng ở các loài hươu nai cũng đã biết được hiện tượng mọc sừng ban đầu và quá trình thay đổi sừng hằng năm của chúng. Đặc biệt, trong thời gian qua, chúng ta đã thu được nhiều dẫn liệu giá trị và khá chi tiết về sinh học sinh sản của thú như thời hạn chín muồi sinh dục và bước vào hoạt động sinh sản, thời kỳ động dục và những biểu hiện động dục, thời gian chữa và đẻ con, số lượng con trong mỗi lứa và số lứa đẻ trong năm, thời gian nuôi con của thú mẹ cùng tình hình sinh trưởng và phát triển của thú con. Và trên cơ sở hiểu biết hiện nay, ta có thể rút ra nhận định sơ bộ về đặc tính sinh sản của đa số thú ở miền Bắc nước ta là: có khả năng sinh sản kéo dài quanh năm nhưng cường độ không đều, thú cái rất mắn đẻ, có nhiều loài có thời gian chữa tương đối ngắn có thể đạt được 2 lứa

đẻ trong năm, số lượng con trung bình trong mỗi lứa tương đối thấp, thú con lớn mau và trưởng thành sinh dục rất sớm, đồng thời cũng nhanh chóng tham gia sinh sản.

Ngoài ra, dựa vào kết quả điều tra, hiện nay chúng ta cũng đã biết được khá rõ về số lượng của thú trong thiên nhiên. Nói chung, khác với sự phong phú về thành phần loài, đa số thú ở miền Bắc nước ta không giàu về số lượng. Nhưng điều quan trọng hơn là, do tác động thường xuyên và lâu ngày của người, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, tình hình số lượng thú ở các địa phương ngày càng thay đổi trông thấy theo chiều hướng rất không lợi, đặc biệt trong khoảng vài chục năm gần đây. Cụ thể là, hầu như ở khắp nơi, tất cả những loài thú quý và có nhiều giá trị kinh tế đều bị giảm sút nhanh chóng về số lượng. Thậm chí hiện nay ở miền Bắc nước ta đã có tới vài chục loài thú, hoặc đang đứng trước nguy cơ đe dọa (bò sát, bò rừng, trâu rừng, voi, hươu xạ, vượn, voọc,...), hoặc không còn khả năng đề phục hồi số lượng ngoài thiên nhiên (tê giác nhỏ một sừng, hươu sao, gấu chó,...), và cũng có loài coi như đã bị mất giống (heo vòi). Trong khi đó, cũng có một bộ phận thú mà hầu hết là những loài ít giá trị kinh tế hoặc chủ yếu gây hại, lại có khuynh hướng ngày càng phát triển (dúi đen, nhím, các loài chuột...). Rõ ràng, triển vọng của nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc nước ta rất đáng lo ngại và đòi hỏi cần phải kịp thời bổ sung thêm những biện pháp quản lí tích cực hơn nữa.

Bên cạnh những kết quả điều tra nghiên cứu về mặt khu hệ sinh thái ở trên, chúng ta cũng đã tìm hiểu được khá đầy đủ về tình hình hoạt động săn bắn và sử dụng thú. Kết quả cho thấy, so với trước ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (1954) việc săn bắn thú ở đây phát triển mạnh, với số lượng người tham gia ngày càng đông, nhất là ở một số tỉnh như Hòa-bình, Bắc-thái, Yên-bái, Lào-cai,... Bất cứ ở đâu, việc săn bắn thú cũng diễn ra liên miên quanh năm và không phân biệt đối tượng. Chúng ta cũng đã tổng kết xong hầu như tất cả những hình thức săn bắn và công cụ săn bắn thú ở các địa phương. Cần nhấn mạnh là cho đến nay, ở mọi nơi vẫn sử dụng chủ yếu là những cách săn bắn và công cụ săn bắn rất lạc hậu, vừa có hại lớn đối với nguồn lợi thú vừa gây nguy hiểm cho cả người và gia súc, mà phần nhiều cũng đã có qui định cấm (các cách săn đốt lửa, săn soi đèn, săn đuổi ở ạt với

số đông người và chó, bầy gài sừng, bầy phóng lao, bầy hàm chuông, sừng hỏa mai, sừng trăn cái tiến...). Thậm chí, hầu như ở khắp nơi còn sử dụng cả các loại sừng trăn (được trang bị cho dân quân tự vệ) để săn bắn thú, nhất là từ những năm 1962-1963 trở lại đây. Chúng ta còn phát hiện được là, việc săn bắn thú ở các địa phương hiện nay, ngay đối với đồng bào các dân tộc miền núi, phần nhiều không còn mang tính chất cải thiện sinh hoạt như trước, mà đã trở thành những hoạt động kinh doanh thực sự. Và trong yêu cầu săn bắn thú, thường thì thịt thú rừng chỉ được coi là thứ yếu, thậm chí cũng có trường hợp đi săn không phải để nhằm lấy thịt. Nói cách khác, mục đích chính của những hoạt động săn bắn thú ở các địa phương trong thời gian vừa qua là nhằm khai thác những sản phẩm để trao đổi ngoài thị trường, mà trước hết là những bộ phận cơ thể thú có tác dụng làm thuốc, chữa bệnh, hồi phục sức khỏe... như xương, mật, nhung, tuyến xạ, vẩy,... Thực tế, những sản phẩm này luôn luôn có giá trị đắt hơn nhiều so với thịt và có nhu cầu sử dụng ngày càng lớn, đó cũng là lý do chủ yếu đã thúc đẩy việc săn bắn thú không ngừng tăng lên. Nhưng điều đáng tiếc là, riêng đối với da và da lông thú, không chỉ là những nguyên liệu tốt cho kỹ nghệ ở nội địa và xuất khẩu mà đồng thời cũng là nguồn thu nhập đáng kể trong săn bắn, thì cho đến nay vẫn không được đặt thành vấn đề khai thác và sử dụng, nếu không muốn nói là gần như bỏ phí.

Đặc biệt, chúng ta cũng đã có được những số liệu sơ bộ về sản lượng thú săn bắn ở nhiều địa phương. Trên cơ sở những nguồn tài liệu được theo dõi qua nhiều năm, cũng đã ước tính được trong thời gian gần đây, ở miền Bắc nước ta mỗi năm săn bắn không ít hơn một triệu con thú rừng và đạt chừng 8.500 tấn trọng lượng tươi. Quả thật là một nguồn lợi không nhỏ nếu mọi sản phẩm của thú ở đây đều được tận dụng một cách hợp lý - khoảng hơn 5.000 tấn thịt, 10 vạn mét vuông da và lông, khoảng 400 tấn xương, không kể đến nhiều bộ phận khác đều được coi là những dược liệu rất quý (nhung, gạc, mật, tuyến xạ, vẩy...). Nhưng mặt khác, cần nhận định thêm là năng suất đạt được ở đây - dù chưa phải là cao - đã báo hiệu một tình hình rất đáng lo ngại đối với nguồn lợi thú. Bởi vì, những hoạt động săn bắn vừa qua hoàn toàn không xuất phát từ tình hình trữ lượng thú trong thiên nhiên và chỉ nhằm vào những đối tượng có giá trị nhiều về

kinh tế. Cụ thể là, phần lớn kết quả săn bắn thống kê được chỉ rõ: khoảng 60% số lượng đầu thú và 80% trọng lượng tươi, chỉ tập trung vào một số ít loài có giá trị nhiều về dược liệu, mặc dù số lượng của chúng hiện nay ở các địa phương đều đã giảm xuống thấp, thậm chí có loài đã coi như hiếm (các loài khỉ hầu, thú có guốc và thú ăn thịt lớn). Rõ ràng, đó là một nguy cơ đe dọa trực tiếp đối với nguồn lợi thú nếu cứ giữ nguyên đà săn bắn như hiện nay trong những năm sắp tới. Qua những dẫn liệu vừa nêu ở trên cho thấy, đã đến lúc cần phải gấp rút tổ chức lại toàn bộ việc săn bắn và sử dụng thú ở miền Bắc nước ta sao cho thích hợp với yêu cầu và tình hình mới, không chỉ nhằm đáp ứng những đòi hỏi trước mắt mà còn phải bảo đảm cho nguồn lợi có điều kiện tồn tại và phát triển lâu dài.

Những dẫn liệu đó đã đóng góp trực tiếp vào việc xây dựng một số biện pháp bước đầu nhằm quản lý nguồn lợi thú (Điều lệ tạm thời về săn bắn thú rừng; qui định mùa săn; xây dựng các khu bảo vệ thú và bảo vệ thiên nhiên), ngoài ra còn giúp ích phần nào đối với công tác phân vùng thiên nhiên và phân vùng kinh tế.

Tóm lại, trong khoảng chưa đầy 10 năm, chúng ta đã làm được khá nhiều việc và đạt được một khối lượng hiểu biết rất quan trọng đối với nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc nước ta. Nếu khi bắt tay vào công tác điều tra nguồn lợi này chúng ta hầu như chưa có một chút hiểu biết gì, thì hiện nay chúng ta đã nắm được tương đối vững chắc và khá đầy đủ về những vấn đề rất cơ bản: thành phần loài, khu vực phân bố, đặc tính địa động vật của khu hệ, đặc điểm sinh thái học và sinh học của hầu hết những loài thú kinh tế chủ yếu, tình hình số lượng của chúng ở các địa phương, tình hình hoạt động săn bắn và sử dụng thú lâu nay, triển vọng sắp tới của nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc nước ta. Tất cả những dẫn liệu đó, ngoài giá trị về mặt khoa học, thực tế cũng là những cơ sở cần thiết đối với việc xây dựng những biện pháp trước mắt và lâu dài nhằm từng bước quản lý nguồn lợi thú hoang dại - một bộ phận thiên nhiên có tầm quan trọng không nhỏ đối với nền sản xuất nông, lâm nghiệp và sức khỏe nhân dân - nhưng từ trước tới nay chưa được chú ý đúng mức.

..

Trên cơ sở những hiểu biết đã có như hiện nay, theo ý kiến chúng tôi, trong thời

gian tới việc điều tra nghiên cứu thú cần được đẩy mạnh hơn nữa. Một mặt, nhằm tìm hiểu sâu hơn và đầy đủ hơn về những vấn đề cơ bản; mặt khác, nhanh chóng hợp lý hóa việc khai thác, phục hồi, sử dụng và phát triển nguồn lợi thú hoang dại ở miền Bắc Việt-nam, với những nhiệm vụ đặt ra như sau:

1. Trước mắt, cần đặt vấn đề hệ thống hóa và hoàn chỉnh tất cả những tài liệu đã có được trong thời gian qua và công bố chính thức trên sách báo để có thể sử dụng rộng rãi. Để làm tốt công tác này, cần tổ chức thêm các đợt điều tra thực địa để thu thập dần liệu bổ sung một số vấn đề, một số đối tượng hoặc một số vùng trọng điểm mà hiện nay hiểu biết còn chưa đầy đủ; thăm tra lại những điểm còn chưa rõ hoặc có sự mâu thuẫn giữa các nguồn tài liệu; tiến hành khảo sát thêm đối với số thú sống ở biên để chuẩn bị đủ tài liệu cho việc biên soạn Động vật chí về thú.

2. Tiến hành nghiên cứu định vị (hoặc cắm chốt) trong một thời gian dài ở một số vùng có những điều kiện thiên nhiên đặc trưng, để theo dõi chi tiết về các mặt sinh thái học và sinh học, số lượng, sự biến động của chúng quần thú,... liên quan với sự thay đổi các điều kiện sống qua các mùa và qua các năm khác nhau.

3. Nghiên cứu phục hồi và gây nuôi một số thú kinh tế chủ yếu (hươu sao, nai, hươu xạ,...) ở ngoài thiên nhiên và trong điều kiện nuôi (nuôi nhốt, nuôi bán tự nhiên).

4. Hoàn chỉnh các phương pháp điều tra nghiên cứu thú ở thực địa, nhất là phương pháp tính số lượng cho thích hợp với điều kiện rừng núi ở ta. Mặt khác, nhanh chóng áp dụng những phương pháp nghiên cứu hiện đại để đẩy nhanh tốc độ và nâng cao độ chính xác của tài liệu.

5. Đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng các khu bảo vệ hoặc dự trữ thú ở tất cả các vùng, tất

cả các tỉnh miền núi và trung du. Điều chỉnh lại thể lệ săn bắn thú và qui định lại mùa săn cho thích hợp với tình hình mới.

6. Xúc tiến nghiên cứu việc sử dụng các loại sản phẩm của thú trong dược liệu và trong kĩ nghệ để làm cơ sở khoa học cho việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

7. Chuẩn bị mọi mặt để tiến hành việc điều tra cơ bản nguồn lợi thú hoang dại ở miền Nam nước ta.

Để hoàn thành được các nhiệm vụ nêu ở trên, theo ý chúng tôi, cần có một số biện pháp như sau:

1. Cần có một tổ chức chỉ đạo chung, ngoài việc xây dựng chương trình, kế hoạch và điều hòa phối hợp công tác giữa các đơn vị chuyên môn trong ngành, còn có sự phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan tới việc quản lí và sử dụng nguồn lợi thú như Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ I tế, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Ngoại thương, Ban Phân vùng kinh tế thuộc Phủ Thủ tướng.

2. Cần nhanh chóng tăng cường số lượng và đặc biệt chất lượng cho đội ngũ cán bộ khoa học làm công tác điều tra cơ bản nguồn lợi thú (hiện nay còn rất ít).

3. Tăng cường trang bị thiết bị nghiên cứu, phương tiện đi lại và phương tiện làm việc trên thực địa.

4. Tăng cường cơ sở vật chất cho công tác lưu trữ và bảo quản vật mẫu, đào tạo cán bộ kĩ thuật làm tiêu bản thú.

5. Tăng cường việc trao đổi tài liệu với các nước, nhất là đối với các nước láng giềng ở Đông nam Á.

6. Kiến nghị với Nhà nước thành lập một cơ quan chuyên trách quản lí nguồn lợi thú và động vật rừng với hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương; xúc tiến việc thành lập "Hội những người đi săn"